

QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI THƯƠNG BINH, LIỆT SĨ VÀ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 1985

NGÔ HOÀNG NAM*

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm đến vấn đề giải quyết chế độ chính sách đối với thương binh, liệt sĩ và nhận thức đây là một trong những công tác quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chính sách đối với thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng đã được ban hành, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với từng thời kỳ cách mạng. Sau khi thống nhất đất nước, từ năm 1975 đến năm 1985, công tác thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng ngày càng hoàn thiện từ chủ trương, chính sách đến tổ chức thực hiện. Chính nhờ chủ trương, chính sách đúng đắn, sáng tạo, đầy trách nhiệm của Đảng, Chính phủ và nhân dân cả nước nên công tác thương binh, liệt sĩ, người có công luôn đạt được kết quả tốt mặc dù với khối lượng công việc rất lớn lại diễn ra bối cảnh đất nước còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội, phải dốc sức cho hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và phía Bắc của Tổ quốc. Bài viết tập trung làm rõ ba nội dung chính: Xác nhận đối tượng là thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng; Cất bốc, quy tập mộ liệt sĩ và xây dựng nghĩa trang liệt sĩ; Thực hiện chính sách, chế độ đãi ngộ đối với

thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng. Đây là những vấn đề trọng tâm và cấp bách trong việc thực hiện chính sách đối với thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng ở Việt Nam sau khi đất nước thống nhất đến trước thời kỳ Đổi mới.

1. Xác nhận đối tượng là thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng

Việc xác nhận đối tượng là thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng là một trong những vấn đề lớn cần giải quyết ngay sau khi đất nước thống nhất. Để đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, ngày 13-3-1976, Hội đồng chính phủ ban hành Nghị định số 45-CP về việc sửa đổi bổ sung một số điểm về chính sách đối với thương binh và gia đình liệt sĩ. Nghị định nêu rõ: “Gia đình liệt sĩ gồm những thân nhân của liệt sĩ như sau: vợ hoặc chồng, con, cha, mẹ hoặc người đã thực sự có công nuôi liệt sĩ từ nhỏ đến lớn, hoặc có công lao đặc biệt trong việc nuôi liệt sĩ khi còn nhỏ. Trường hợp cha, mẹ liệt sĩ và người có công nuôi liệt sĩ đều còn sống, thì hoặc một bên hưởng quyền lợi của gia đình liệt sĩ, hoặc cả hai bên hưởng chung quyền lợi của gia đình liệt sĩ...” (Điều 2). Đối với thương binh: “Sau khi đã chữa lành vết thương, thương binh được xếp hạng thương

*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

tật tạm thời hoặc vĩnh viễn và kể từ ngày nhận công tác hoặc phục viên về địa phương, được hưởng trợ cấp thương tật...” (1) (Điều 9). Thực hiện các chính sách này, việc xác nhận đối tượng là thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng đã được nhiều địa phương tập trung thực hiện.

Đến năm 1978, các tỉnh phía Bắc cơ bản hoàn thành việc xác nhận liệt sĩ và giải quyết quyền lợi cho gia đình liệt sĩ đối với những người hy sinh trên miền Bắc. Đối với những người hy sinh ở các chiến trường khác, khi nắm được tin tức đều tiến hành báo tử và giải quyết ngay quyền lợi cho gia đình liệt sĩ. Tuy nhiên, cũng còn nhiều trường hợp phải chờ sau khi chiến tranh biên giới kết thúc mới có điều kiện điều tra xác minh để xác nhận. Đối với thương binh, bệnh binh, đến năm 1978, ở miền Bắc đã xác nhận, xếp hạng thương tật cho những thương binh được điều trị ổn định và những người được hưởng chính sách như thương binh theo số lượng kê khai của các địa phương, số trường hợp phải xác nhận lại rất ít.

Các tỉnh phía Nam, Sở Thương binh và Xã hội các tỉnh đã tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện các chính sách đối với các đối tượng là thương binh, liệt sĩ. Nhiều nơi đã có những biện pháp tích cực để đẩy mạnh việc xác nhận thương binh, liệt sĩ như thực hiện quán triệt tiêu chuẩn, chính sách trong cán bộ và nhân dân, chỉ đạo dứt điểm từng đợt, làm gọn từng xã, phường, có sơ kết rút kinh nghiệm, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan ở địa phương để cùng thực hiện. Ở một số tỉnh thuộc Khu 5 như Nghĩa Bình (2), Phú Khánh (3), Quảng Nam - Đà Nẵng (4) đã tổ chức làm điểm tại một số xã để rút kinh nghiệm về nội dung và cách tổ chức thực hiện. Qua làm thí điểm cho thấy, nhiều trường hợp bất cập chưa có hướng dẫn thực hiện như:

Người bị thương không còn gia đình, nhà cửa; bố mẹ người hy sinh già cả, không nơi nương tựa; con của người hy sinh mồ côi cả cha mẹ chiếm tỷ lệ khá cao, tỷ lệ gia đình có người hy sinh có liên quan về chính trị với chính quyền Sài Gòn có nơi chiếm tới 40-50% (5).

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan đã tiến hành thí điểm việc xác nhận tại 3 địa phương: xã Tân Thới Nhất (xã có truyền thống trước Cách mạng tháng Tám năm 1945), xã Đông Thanh (xã có nhiều thành tích trong kháng chiến chống Mỹ) của huyện Hóc Môn, và phường 13 của quận 11 (cơ sở hoạt động nội thành). Kết quả ở 3 xã có 372 người khai, đã xét duyệt và công nhận 38 cá nhân và gia đình (26 cá nhân và 12 gia đình) trong số này có 3 người già yếu không nơi nương tựa trong diện được trợ cấp thường xuyên và 6 người gặp khó khăn nhiều cần trợ cấp khó khăn. Tại tỉnh Sông Bé (6) làm điểm ở xã Hòa Định, huyện Bến Cát (7) (nơi có phong trào du kích chiến tranh mạnh trong thời kỳ chống Mỹ), xã có 65 người kê khai đã xét duyệt và công nhận được 22 gia đình và cá nhân (13 gia đình và 9 người có công) trong số này có một người già yếu cô đơn không nơi nương tựa trong diện được trợ cấp thường xuyên và 3 người cần trợ cấp khó khăn (8).

Tại tỉnh Đồng Nai tiến hành thí điểm ở 3 địa phương: xã Tam An, huyện Long Thành (xã vùng tranh chấp thời kỳ Mỹ, chính quyền Sài Gòn), xã Long Phước, huyện Châu Thành (xã có truyền thống kháng chiến trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ), xã Bửu Hòa, Thành phố Biên Hòa (xã vùng tạm chiếm). Kết quả trong 3 xã có 161 người kê khai, đã xét duyệt và đề nghị lên tỉnh công nhận 30 gia đình và cá nhân có công với cách mạng (15 gia đình và 15 cá nhân có công với cách mạng) (9). Ở tỉnh Tây Ninh, kết quả công

tác xác nhận thương binh, liệt sĩ tại 8 xã điểm của các huyện đã lên danh sách và làm thủ tục được 2.688 người hy sinh; số liệt sĩ được công nhận là 630 người (10).

Ngoài 4 tỉnh trên, việc xác nhận các đối tượng chính sách cũng được thực hiện thí điểm tại một số xã ở các tỉnh Bến Tre, Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Phú Khánh,... trong đó, tỉnh Long An, tại 4 huyện Cần Giuộc, Tân Trụ, Châu Thành, Cần Đức và Thị xã Tân An (11) đã lập hồ sơ xác nhận và chi trả chế độ cho 450 gia đình liệt sĩ (12).

Sau khi thực hiện thí điểm, các tỉnh ở miền Nam đã tiến hành xác nhận được phần lớn các trường hợp đủ tiêu chuẩn công nhận liệt sĩ. Đối với những trường hợp chưa đủ tiêu chuẩn tiếp tục được xác minh thêm. Những trường hợp xác nhận xong, chính quyền tổ chức báo tử, quản lý và giải quyết chế độ. Với những trường hợp thân nhân liệt sĩ có liên quan về chính trị với chính quyền Sài Gòn thì việc quyết định cho họ có được công nhận là gia đình liệt sĩ và hưởng quyền lợi hay không được tiến hành dựa trên cơ sở tiêu chuẩn và nhận xét của quần chúng, quyết định của cấp trên, nhằm giải quyết chính xác, tránh sai sót.

Việc xác nhận và thi hành chính sách đối với những cá nhân và gia đình có công với cách mạng cũng được thực hiện thí điểm ở một số địa phương. Thành phố Hồ Chí Minh, xã Tân Thới có 9 gia đình và 9 cá nhân, xã Đông Thanh có 2 gia đình và 6 cá nhân, phường 13 quận 11 có 1 gia đình và 11 cá nhân. Xã Hòa Định, tỉnh Sông Bé có 13 gia đình và 10 cá nhân... (13). Đây là tiền đề quan trọng để tiếp tục thực hiện chính sách đối với người có công trong giai đoạn tiếp theo.

Với việc thực hiện quyết liệt ở cả hai miền, việc xác nhận và báo tin liệt sĩ trong năm 1976 đã tăng lên 170% so với năm

1975. Các tỉnh phía Bắc đã kết thúc việc xác nhận liệt sĩ chống Pháp và việc xác nhận liệt sĩ chống Mỹ, trong đó giải quyết 37% số quân nhân mất tin (14). Những tỉnh làm tốt về xác nhận và báo tin quân nhân mất tin là Thái Bình (87%), Hải Hưng (15) (75%), Hà Nam Ninh (16) (58%). Các tỉnh phía Nam, tính đến tháng 10-1976, ở 19 xã thí điểm đã duyệt được 83% trong tổng số danh sách được đề nghị là liệt sĩ. Có những tỉnh đã xác nhận được số lượng khá lớn như: Quảng Nam - Đà Nẵng (32.651 liệt sĩ, 2.803 thương binh), Nghĩa Bình (17) (26.678 liệt sĩ, 3.410 thương binh), Thành phố Hồ Chí Minh (16.979 liệt sĩ, 1.498 thương binh), Tiền Giang (15.496 liệt sĩ, 2.132 thương binh) (18).

Sau một thời gian thực hiện, bên cạnh những kết quả trên, đã bộc lộ những bất cập, hạn chế, một số địa phương vẫn còn tình trạng liệt sĩ, thương binh và gia đình có công với cách mạng (nhất là ở các tỉnh phía Nam) chưa được xác nhận và giải quyết quyền lợi theo chính sách quy định. Từ thực trạng đó, ngày 5-7-1979, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 235-TTg "Về công tác thương binh, liệt sĩ và xã hội trong tình hình mới", thẳng thắn nhìn nhận những bất cập, thiếu sót; đồng thời đề ra những biện pháp cụ thể nhằm khắc phục tồn tại. Chỉ thị nhấn mạnh "vừa phải kiên quyết khắc phục nhanh chóng những vấn đề tồn tại của mấy chục năm kháng chiến trước đây, lại vừa phải kịp thời giải quyết chu đáo những vấn đề thương binh, liệt sĩ và xã hội mới nảy sinh" (19); đồng thời yêu cầu: "ở các tỉnh, thành phố miền Nam cần khẩn trương hoàn thành trong năm nay việc xác nhận liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, cán bộ và quân nhân mất tin trong kháng chiến, người và gia đình có công với cách mạng từ nay trở về trước. Ở các tỉnh miền Bắc cần ráo riết kiểm tra để

giải quyết nhanh, gọn những trường hợp tồn tại và sai sót. Từ nay về sau, mọi trường hợp thương vong trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu phải được giải quyết kịp thời và chu tất; phải nhanh chóng báo tin cho gia đình anh chị em và giải quyết đầy đủ mọi quyền lợi cho gia đình sau khi xảy ra thương vong” (20).

Nhằm tạo hành lang pháp lý và tiêu chuẩn cụ thể để xác nhận là liệt sĩ, thương binh và thực hiện chính sách đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ, ngày 20-9-1980, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 301-CP về “Bổ sung tiêu chuẩn để xác nhận liệt sĩ, thương binh và chính sách đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ”. Quyết định nêu rõ: “Những quân nhân, công nhân, viên chức, thanh niên xung phong, dân công... trong khi làm nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, hoặc làm nhiệm vụ quốc tế đã tỏ tinh thần phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, có ý thức tổ chức kỷ luật nếu bị thương hoặc bị chết (từ ngày 1-5-1975 trở về sau) trong những trường hợp sau đây thì được xét để xác nhận là liệt sĩ, thương binh, hoặc được hưởng chính sách như thương binh: Bị thương hoặc ốm đau, tai nạn dẫn đến bị thương hoặc chết trong khi làm nhiệm vụ ở vùng có chiến sự, vùng tiếp giáp với địch, vùng núi rẻo cao và hải đảo; Bị ốm đau, tai nạn dẫn đến bị thương hoặc chết trong khi làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào, Campuchia hoặc nước khác; Bị thương hoặc chết vì đã dũng cảm và tự nguyện làm những công việc nguy hiểm nhằm phục vụ sản xuất và xây dựng, khôi phục quốc phòng và an ninh, xứng đáng nêu gương cho mọi người học tập” (21). Ngày 17-1-1981, Bộ Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 03-TBXH về hướng dẫn thi hành Quyết định số 301-CP ngày 20-9-1980 của Hội đồng Chính phủ.

Thực hiện các chính sách và thông tư hướng dẫn cụ thể trên, việc xác nhận đối tượng là thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng bước đầu khắc phục được những hạn chế đã nêu và đạt được nhiều kết quả. Đến năm 1981, ngành Thương binh và Xã hội đã xác nhận thêm 3.531 thương binh (3.275 thương binh của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, 256 thương binh trong chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc) và 13.587 liệt sĩ (9.489 liệt sĩ của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, 4.098 liệt sĩ trong chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc) (22). Năm 1985, ngành Thương binh và Xã hội tiếp tục xác nhận được 7.604 thương binh và 18.537 liệt sĩ (năm 1984 là 8.614 thương binh và 16.0006 liệt sĩ) (23).

Điểm đáng lưu ý là trong giai đoạn này, ngành Thương binh và Xã hội phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ mau chóng và kịp thời là: giải quyết số người đã hy sinh, bị thương trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước trước đây và giải quyết các trường hợp mới trong hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và phía Bắc của Tổ quốc. Theo đó, các tỉnh phía Bắc thực hiện quản lý số thương binh được quân đội cấp sổ và xuất ngũ, phối hợp với Hội đồng Giám định y khoa, tổ chức khám lại những thương binh mới chỉ được xếp hạng thương tật tạm thời; các tỉnh phía Nam thực hiện tiếp nhận và xếp hạng thương tật cho thương binh và những người được hưởng chính sách như thương binh. Cùng với đó, ngành Thương binh và Xã hội tiến hành xác nhận, khám và xếp hạng thương tật cho những người ở các trại thương binh. Thương binh sau khi khám và xếp hạng thương tật được cấp sổ, huy hiệu, quản lý và được hưởng chế độ theo quy định về trợ cấp thương tật. Ở những địa phương thực hiện xong việc xác nhận, đều

tổ chức lễ ghi công liệt sĩ, cấp thẻ thương binh, phát trợ cấp theo quy định. Những hành động và việc làm thiết thực đó đã cổ vũ nhiều đối tượng chính sách vượt qua khó khăn của bệnh tật, mất mát đau thương, tiếp tục cống hiến tài năng và trí tuệ của mình cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng, phát triển đất nước, các cấp lãnh đạo thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác này trong tình hình mới và quan tâm hơn nữa đến việc lãnh đạo thực hiện chính sách.

2. Cát bốc, quy tập mộ liệt sĩ và xây dựng nghĩa trang liệt sĩ

Cát bốc, quy tập mộ liệt sĩ và xây dựng nghĩa trang liệt sĩ được Đảng và Nhà nước quan tâm chỉ đạo thực hiện ngay từ khi đất nước còn chiến tranh. Sau khi đất nước thống nhất, công việc này được đẩy mạnh hơn, bằng việc ban hành những chính sách cụ thể, trong đó nổi bật và xuyên suốt trong giai đoạn này là việc thực hiện Quyết định số 60-CP ngày 5-4-1976 của Hội đồng Chính phủ “Về việc bổ sung một số điểm về chính sách đối với liệt sĩ và gia đình liệt sĩ”. Quyết định nêu rõ: “Xây dựng nghĩa trang, đài tưởng niệm, bia ghi công liệt sĩ là để ghi lại lâu dài công lao to lớn của liệt sĩ, cổ vũ tinh thần yêu nước, phát huy truyền thống đấu tranh kiên cường, dũng cảm, bất khuất của quân và dân ta... Liệt sĩ hy sinh ở địa phương nào, thì chính quyền, đoàn thể và nhân dân ở địa phương đó có trách nhiệm giữ gìn phần mộ, cát bốc và quy tập vào các nghĩa trang liệt sĩ đã sẵn có; nơi nào chưa có thì xây dựng thành nghĩa trang liệt sĩ mới của xã, huyện, hoặc tỉnh, thành phố” (24). Sau khi quyết định trên được ban hành, ngày 16-7-1976, Bộ Thương Binh và Xã hội ban hành Thông tư số 10-TBXH về việc hướng dẫn thi hành Quyết

định số 60-CP ngày 5-4-1976 của Hội đồng Chính phủ. Ngoài những điểm đã nêu trong quyết định, thông tư nêu rõ: “Không khuyến khích và không nên tiến hành việc di chuyển hài cốt liệt sĩ về nguyên quán. Ở các nguyên quán của liệt sĩ thì xây dựng bia ghi công liệt sĩ. Chính quyền, đoàn thể các địa phương có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chủ trương của chính phủ và giải thích cho gia đình liệt sĩ hiểu rõ để thực hiện tốt chủ trương này” (25). Thực hiện những chính sách trên, việc cát bốc, quy tập mộ liệt sĩ và xây dựng nghĩa trang liệt sĩ được triển khai đúng quy định, có sự phối hợp hiệu quả giữa cơ quan thương binh - xã hội với các quân khu, cơ quan quân sự địa phương và nhân dân địa phương (26).

Ở các tỉnh phía Bắc, đối với phần mộ của liệt sĩ hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ, các địa phương đã tiến hành việc cát bốc, quy tập vào nghĩa trang, nơi chưa có nghĩa trang liệt sĩ thì quy tập vào một số địa điểm chờ xây dựng nghĩa trang xong thì chuyển về. Đến năm 1982, các tỉnh miền Bắc quy tập được hơn 6.000 mộ, riêng các tỉnh vùng biên giới quy tập 3.800 mộ (27).

Ở các tỉnh phía Nam, công tác tìm kiếm, quy tập mộ liệt sĩ vào những địa điểm bảo quản, chờ xây dựng nghĩa trang để đưa về được triển khai ở các tỉnh: Tiền Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Minh Hải (28), Cửu Long (29), Long An, Bến Tre, Tây Ninh, Gia Lai - Kon Tum (30), Thành phố Hồ Chí Minh,... đã huy động hàng vạn người tham gia quy tập mộ liệt sĩ và xây dựng nghĩa trang.

Kết quả, đến năm 1982, cả nước đã quy tập được gần 5 vạn mộ, trong đó các tỉnh miền Nam quy tập hơn 4 vạn mộ (một số tỉnh đạt được số lượng lớn như: Đồng Nai 2.187 mộ, Bình Trị Thiên (31) 4.600 mộ, Quảng Nam - Đà Nẵng 6.500 mộ,...) (32); năm 1984 là 76.305 mộ và năm 1985 là

72.744 mộ (33). Tuy vậy, đến hết năm 1985, thống kê trên cả nước vẫn còn trên 11 vạn mộ chưa được cất bốc, chiếm 20% tổng số đã tìm kiếm được.

Về việc xây dựng nghĩa trang liệt sĩ, nhiều địa phương đã kết hợp ngân sách Nhà nước, địa phương và đóng góp của nhân dân để đẩy mạnh việc quy tập mộ liệt sĩ và xây dựng nghĩa trang. Đối với việc xây dựng nghĩa trang, Nhà nước cấp một phần kinh phí (bình quân 300 đồng/mộ), các địa phương vận động nhân dân cùng tham gia đóng góp công, của để xây dựng (34). Cùng với đó, cuộc vận động thiết kế mẫu nghĩa trang liệt sĩ đã được đoàn kiến trúc sư ở phía Bắc và phía Nam nhiệt tình hưởng ứng. Từ năm 1976 đến cuối năm 1985, cả nước có 19 nghĩa trang liệt sĩ cấp tỉnh (3 ở phía Bắc, 16 ở phía Nam), 154 nghĩa trang liệt sĩ cấp huyện (36 ở phía Bắc, 118 ở phía Nam) và 1.778 nghĩa trang liệt sĩ cấp xã (35). Nhìn chung, đến năm 1985, trên cả nước đều làm tốt việc tu sửa hoặc xây dựng mới nghĩa trang liệt sĩ. Tuy nhiên, bên cạnh thành công đó, việc xây dựng nghĩa trang thời gian này còn có hạn chế, nguyên nhân chính là do một số địa phương chưa thống kê hết được số lượng liệt sĩ ở địa phương hoặc chưa lập được quy hoạch, thiết kế và kế hoạch xây dựng nghĩa trang liệt sĩ cho toàn tỉnh, một số địa phương còn khó khăn về kinh phí và nguyên vật liệu.

3. Thực hiện chính sách, chế độ đãi ngộ đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng

Việc thực hiện chính sách, chế độ đãi ngộ, chăm sóc đời sống của thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng là một vấn đề lớn, lâu dài và quan trọng trong chính sách xã hội. Để giải quyết vấn đề này, từ năm 1975 đến năm 1985, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách để thực hiện, mỗi thời điểm khác

nhau, chính sách ban hành có sự bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm hướng tới mục tiêu chăm lo tốt nhất cho các thương bệnh binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng.

Những văn bản, chính sách chung về chế độ đãi ngộ thương bệnh binh, liệt sĩ và những người có công với cách mạng như: Nghị định số 08/NĐ-76 ngày 17-6-1976 của Hội đồng Chính phủ “Về chính sách, chế độ đối với thương binh, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ”; Công văn số 1259/TBPV ngày 9-10-1980 của Bộ Thương binh và Xã hội “Về việc tính tiền tuất cho người có chồng và con là liệt sĩ”; Thông tư số 45/TT-LB ngày 5-11-1981 của Liên Bộ Nông nghiệp, Thương binh và Xã hội “Về việc thực hiện chính sách ưu đãi đối với thương binh, bệnh binh và gia đình có công với cách mạng, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội trong khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp”; Công văn số 197/LC-CC-TV ngày 18-6-1983 “Về việc thực hiện một số điểm về chính sách, chế độ đối với gia đình liệt sĩ và thương binh”; Quyết định số 249/CT ngày 26-9-1983 của Hội đồng Bộ trưởng “Về việc phụ cấp cho những người có công với cách mạng, gia đình liệt sĩ và những người được nuôi dưỡng tập trung trong các trại xã hội”; Thông tư số 24/TBXH ngày 19-3-1984 của Bộ Thương binh và Xã hội “Về việc thống nhất một số chế độ đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ”; Nghị định số 236/HĐBT, ngày 18-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng “Về việc bổ sung, sửa đổi chế độ chính sách về thương binh và xã hội”;... Nhìn chung, các chính sách trên đã quy định, điều chỉnh, bổ sung chế độ lương hưu, trợ cấp thương tật, trợ cấp đối với bệnh binh và quân nhân phục viên, trợ cấp đối với công nhân, viên chức nghỉ việc vì mất sức lao động; đối với

những người có công giúp đỡ cách mạng; chi phí an táng và trợ cấp vì mất người nuôi dưỡng, trợ cấp xã hội và trợ cấp cứu tế cho công dân có nhiều khó khăn.

Đối với thương binh, bệnh binh, bên cạnh những chính sách chung như đã nêu, Nhà nước có những chính sách đặc thù để cung cấp, hỗ trợ các thiết bị y tế, thuốc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân (đệm, ga trải đệm, quần, tất, giày, áo mưa...), phương tiện hỗ trợ phục hồi chức năng và các chế độ đãi ngộ khác theo quy định (36).

Có thể thấy, việc thực hiện chính sách, chế độ đãi ngộ đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng trong giai đoạn này được đẩy mạnh, trở thành một phong trào quần chúng khá sâu rộng, với nhiều hình thức và nội dung phong phú.

Ở các tỉnh phía Bắc, cơ quan Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, huyện đã phối hợp với ngân hàng cùng cấp thông qua Quỹ tiết kiệm, tổ chức chi trả tiền trợ cấp cho thương binh, gia đình liệt sĩ. Thời gian đầu, các khoản tiền được chi trả vào tháng đầu của quý, nơi xa sang tháng thứ hai của quý mới chi trả được. Thời gian sau, nhờ hệ thống hợp tác xã tín dụng phát triển rộng khắp nên việc chi trả tiền trợ cấp cho thương binh, gia đình liệt sĩ kịp thời hơn. Nhìn chung, đời sống của gia đình liệt sĩ, thương binh đều được ổn định, những gia đình khó khăn đều được địa phương chăm sóc, giúp đỡ dưới nhiều hình thức phong phú như: làm nhà hoặc sửa sang nhà ở, phân phối lương thực, cấp lương thực cho bố mẹ liệt sĩ già yếu cô đơn, con liệt sĩ mồ côi cả cha và mẹ, cấp quần áo, chăn màn và trợ cấp, thăm hỏi trong những ngày lễ, tết,... Một số tỉnh có phong trào phát triển mạnh như: Hải Hưng, Thái Bình, Hà Nam Ninh. Qua điều tra cơ bản ở huyện Nam Ninh (37) (tỉnh Hà Nam Ninh) thì tình hình đời sống của gia đình

liệt sĩ và thương binh như sau: Số gia đình liệt sĩ có mức sống trung bình khá chiếm 18,2%; Số gia đình liệt sĩ có mức sống trung bình chiếm 64,2%; Số gia đình liệt sĩ có mức sống thấp chiếm 17,6%; Số thương binh có mức sống trung bình khá chiếm 20,9%; Số thương binh có mức sống trung bình chiếm 59,6%; Số thương binh có mức sống thấp chiếm 19,5% (38).

Ngoài trợ cấp của Nhà nước, hầu hết các địa phương đã gây dựng phong trào giúp các gia đình liệt sĩ. Đối với bố mẹ liệt sĩ già yếu, tàn tật cô đơn, xã làm nhà riêng cho các cụ ở, có người phục vụ hàng ngày, có vườn cây và nghề phụ để các cụ tham gia lao động,... Nhiều địa phương đã triển khai hình thức nuôi dưỡng thân nhân liệt sĩ, trong đó điển hình như ở Thọ Châu - Thọ Xuân (Thanh Hóa) đã thành lập một nhà nuôi dưỡng 55 cụ già yếu không nơi nương tựa. Hà Nội có 1 trại nhận 46 cụ. Bộ Thương binh và Xã hội có 1 trại nhận 54 cụ của các tỉnh phía Bắc (39).

Điểm nổi bật trong giai đoạn này là Nhà nước đã có những chính sách riêng đối với việc chăm sóc, giáo dục con của liệt sĩ, được cụ thể bằng việc ban hành các thông tư từ 1976 đến 1982 (40). Việc nuôi dạy con liệt sĩ tại các địa phương ở phía Bắc diễn ra dưới hình thức phổ biến là dựa vào dân, hợp tác xã, các cơ quan, xí nghiệp, đoàn thể và trường học. Công tác này đã được nhiều tỉnh như: Hà Nam Ninh, Thái Bình, Hà Bắc (41), Hải Hưng, Nghệ Tĩnh (42), Vĩnh Phú (43), Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Hà Tuyên (44), Cao Lạng (45), Bắc Thái (46), Sơn La, Hà Sơn Bình (47), Hà Nội,... quan tâm thực hiện với nhiều hình thức khác nhau. Ở Hà Nội có phong trào các xí nghiệp, hợp tác xã thủ công nhận đỡ đầu con liệt sĩ dưới hình thức trợ cấp thêm cho mỗi cháu từ 10 đến 15 đồng/tháng. Ở Hải Phòng, Vĩnh Phú có phong trào phụ nữ

đồ đầu, chăm sóc đời sống con liệt sĩ. Năm 1977, ở Hải Hưng, phụ nữ đã đóng góp 76.000 ngày công lao động và 11.300 đồng giúp con liệt sĩ. Tỉnh Hà Bắc có phong trào lao động lấy tiền may quần áo tặng con liệt sĩ (48),... Nhờ sự chăm sóc, giúp đỡ này, đời sống của con liệt sĩ ngày càng ổn định hơn.

Đối với con liệt sĩ mồ côi cả cha và mẹ, ngoài những cháu được người thân (ông, bà, chú, bác,...) nuôi dạy, các địa phương đã tổ chức nuôi dạy tập trung ở trường nội trú (Hà Nội, Hà Bắc), một số nơi gửi nhờ dân nuôi, học tập tại trường của địa phương (Thái Bình), có nơi tổ chức ký túc xá để các cháu ăn, ở tập trung và học tại trường của địa phương (Hà Nam Ninh...). Đối với con liệt sĩ tàn tật nặng mà gia đình gặp khó khăn trong việc nuôi dạy, sẽ được nhận nuôi dạy ở cơ sở tại Ba Vì do Bộ Thương binh và Xã hội tổ chức. Trong số con liệt sĩ tàn tật nặng, có cháu phải nuôi suốt đời, có cháu phải được phục hồi chức năng, dạy văn hóa, dạy nghề để sau này khi đến tuổi trưởng thành có thể tham gia lao động, tự lo đời sống của mình. Bộ Thương binh và Xã hội nghiên cứu rút kinh nghiệm về những hình thức trên, sau đó nhân rộng mô hình để các địa phương chăm lo tốt hơn việc nuôi dạy con liệt sĩ.

Trong việc giáo dục con liệt sĩ, ngành Giáo dục đã phát động phong trào thi đua dạy tốt con liệt sĩ dưới nhiều hình thức như: đồ đầu, dạy kèm, dạy thêm cho con liệt sĩ (mỗi tuần từ 1-2 buổi), tổ chức ôn tập trong dịp hè (phổ biến ở nhiều tỉnh), ưu tiên cho mượn sách giáo khoa và cấp học bổng,... Năm 1976, Hà Nội đã họp 4.000 giáo viên để phổ biến chính sách nuôi dạy con liệt sĩ. Do đó, việc giáo dục con liệt sĩ đã có nhiều tiến bộ, trong năm học 1976-1977, theo thống kê ở một số huyện thuộc tỉnh Nghệ Tĩnh, số cháu có đạo đức xếp loại tốt là 76%, ở tỉnh Thái Bình số đạt cháu ngoan Bác Hồ là 79,8% (49). Trong học tập,

trình độ chung của con liệt sĩ được nâng lên, học lực yếu kém giảm đi rõ rệt, khá giỏi tăng lên, trong các kỳ thi chuyển cấp số đỗ đạt tỷ lệ cao. Cùng phối hợp thực hiện, Đoàn Thanh niên các cấp ở nhiều nơi đã quan tâm bồi dưỡng để kết nạp các cháu vào tổ chức đoàn, đội, đồng thời chú ý giáo dục về đạo đức và tổ chức các trại hè hàng năm.

Ở các tỉnh phía Nam, do trải qua chiến tranh lâu dài, gian khổ và mới được giải phóng, bộ máy tổ chức vừa được thành lập nên việc thực hiện chính sách, chế độ đãi ngộ đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng còn gặp nhiều khó khăn. Để giúp các tỉnh làm tốt vấn đề này, Bộ Thương binh và Xã hội đã hướng dẫn các địa phương tiến hành điều tra cơ bản để nắm cụ thể tình hình mọi mặt của thương binh, gia đình liệt sĩ.

Bộ Thương binh và Xã hội đã chọn và giúp xã Hòa Định thuộc tỉnh Sông Bé thực hiện toàn diện việc chấp hành chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, từ đó đã rút kinh nghiệm phổ biến, hướng dẫn các tỉnh làm điểm trước khi triển khai công tác này. Qua làm điểm xã Hòa Định, Bộ Thương binh và Xã hội nắm được tình hình đời sống của thương binh, gia đình liệt sĩ (50) để lập phương án giúp đỡ. Xã đã đăng ký 3.655 ngày công để giúp sửa sang nhà ở, lập vườn cây thương binh với diện tích 3 ha; xây 1 nhà gạch 5 gian dùng làm nơi sản xuất cho các đối tượng thương binh sản xuất các nghề phụ (làm nón, đan sọt, làm tằm,...). Xã cũng dành 1 ao rộng 1 ha để thả cá, dùng hoa lợi thu hoạch được để chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ (51). Công tác triển khai việc thực hiện chính sách đã góp phần làm cho cán bộ và nhân dân xã Hòa Định thông suốt chính sách, nhiệt tình chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và có nhiều biện pháp thích hợp và thiết thực để giúp đỡ, ổn định đời sống của thương binh,

gia đình liệt sĩ. Từ những kinh nghiệm ở xã điểm Hòa Định càng thấy rõ việc chăm sóc đời sống thương binh, gia đình liệt sĩ ở các tỉnh phía Nam là vấn đề cấp thiết và có điều kiện để triển khai làm tốt nếu các địa phương quan tâm đúng mức.

Từ kết quả đó, Ty Thương binh và Xã hội các tỉnh đã mở Hội nghị triển khai chính sách trong toàn tỉnh. Nhìn chung, từ năm 1975 đến năm 1985, các tỉnh ở miền Nam đã chú ý đến việc chăm sóc đời sống của thương binh, gia đình liệt sĩ, những hạn chế, bất cập từng bước được tháo gỡ. Nhiều tỉnh đã có những hình thức thích hợp để giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sĩ theo tình hình cụ thể và khả năng như: điều chỉnh ruộng đất cho thương binh, gia đình liệt sĩ thiếu ruộng đất, làm nhà cho những gia đình chưa có nhà ở, hoặc bán theo hình thức phân phối một số nguyên vật liệu để làm nhà, vận động nhân dân giúp công sức sửa sang lại nhà, bán gạo cho các gia đình khó khăn, ưu tiên xét trợ cấp khó khăn, cấp học bổng cho con liệt sĩ,... Qua triển khai thực hiện chính sách, nhiều tỉnh đã thực hiện tốt công tác này. Ở tỉnh Đồng Nai, Ty Thương binh và Xã hội đã trợ cấp khó khăn cho 152 gia đình liệt sĩ với số tiền là 540 đồng và 539kg gạo, giúp đỡ vật liệu làm nhà cho 4 gia đình liệt sĩ (1 mẹ có 4 con liệt sĩ) (52). Ở tỉnh Cửu Long, Ty Thương binh và Xã hội đã tổ chức, quyên góp 235.260 kg gạo và 14.117 mét vải (53) trợ giúp các gia đình có đời sống khó khăn. Ở tỉnh Tây Ninh, có 471 liệt sĩ đã được giải quyết quyền lợi, trợ cấp cho 1.926 hộ (8.236 khẩu) đời sống đang gặp khó khăn với 58.282 kg gạo và 16.652 mét vải (54). Ở tỉnh Long An, 4 huyện Cần Giuộc, Tân Trụ, Châu Thành, Cần Đước và thị xã Tân An đã lập hồ sơ xác nhận xong và đã cấp chế độ cho 450 gia đình liệt sĩ (55). Ở xã Thành An, huyện Mỹ Cày, tỉnh Bến Tre, đã làm lễ công nhận liệt sĩ, giải quyết chính sách,

tiền tuất cho 65 liệt sĩ và gia đình liệt sĩ. Tỉnh Bến Tre còn trợ cấp cho 722 hộ (2.792 khẩu) thuộc 8 xã của huyện Thạnh Phú có đời sống khó khăn với 22.332 kg gạo (tương đương 8.261 đồng) (56).

Đối với thương binh nặng, ở một số tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Nghĩa Bình, Phú Khánh, Gia Lai - Kon Tum, Tiền Giang, Bến Tre, Sông Bé, Thành phố Hồ Chí Minh,... đã thành lập trại để nuôi dưỡng những thương binh của địa phương. Bộ Thương binh và Xã hội đã thành lập một trại ở Long Đất (57) (Bà Rịa - Vũng Tàu) để tiếp nhận những thương binh nặng của các tỉnh phía Nam. Ngoài các trại nuôi dưỡng thương binh nặng, ở một số tỉnh Bình Trị Thiên, Quảng Nam - Đà Nẵng, Nghĩa Bình, Phú Khánh, Gia Lai - Kon Tum,... lập trại để tiếp nhận, quản lý và chuẩn bị điều kiện để sắp xếp công việc cho thương binh còn khả năng lao động. Một số nơi đã chú ý việc động viên bồi dưỡng, giáo dục thương binh, gia đình liệt sĩ như mở Hội nghị thương binh, gia đình liệt sĩ tiêu biểu của địa phương (Quảng Nam - Đà Nẵng, Tiền Giang, Cửu Long, Đồng Nai, Đồng Tháp,...). Đối với con liệt sĩ, một số địa phương đã tổ chức các trường nội trú để nuôi dạy con liệt sĩ mồ côi cả cha và mẹ (Quảng Nam - Đà Nẵng, Nghĩa Bình, Phú Khánh, Gia Lai - Kon Tum, Thành phố Hồ Chí Minh, Sông Bé,...) (58). Cùng với đó, phong trào đỡ đầu con liệt sĩ do Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ đã được phát động ở nhiều địa phương. Các trường học đã đề ra những biện pháp để nâng cao chất lượng học tập của con liệt sĩ, từng bước hạn chế việc chiếu cố điểm.

Ngoài việc chăm sóc đời sống vật chất, Nhà nước còn chú ý chăm sóc đời sống tinh thần đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng. Trong dịp kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ (27/7), các dịp lễ, tết hàng năm, lãnh đạo Đảng và Nhà nước đều gửi thư thăm hỏi, động viên, căn dặn các địa phương, các ngành các cấp

và nhân dân phải ghi nhớ công lao, hy sinh, tổ lòng tri ân và cùng chung tay chăm lo đời sống vật chất, tinh thần thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng. Trong năm 1985, nhân kỷ niệm 40 năm Cách mạng tháng Tám và 10 năm giải phóng đất nước, Nhà nước có một quyết định quan trọng: tặng thưởng Huân chương Độc lập cho các gia đình có nhiều liệt sĩ. Trong đợt 1, nhân dịp ngày 27/7 và đợt 2 nhân dịp ngày 22/12 cả nước đã có 12.649 gia đình liệt sĩ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập (59). Các tỉnh đã trang trọng tổ chức lễ tặng thưởng, nhiều nơi, cấp huyện và cấp xã nhân dịp này đã làm hoặc sửa nhà, cấp quần áo và lương thực cho các gia đình có công với cách mạng.

4. Một số nhận xét

Chính sách ưu đãi đối với thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng là chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân của Đảng và Nhà nước Việt Nam, thể hiện truyền thống đạo lý *Uống nước nhớ nguồn, Đền ơn đáp nghĩa* của dân tộc. Sau khi đất nước được thống nhất đến trước khi tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 1985), công tác này được Đảng, Nhà nước quan tâm lãnh đạo, được các ngành, các giới, các tầng lớp nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng tham gia. Trong thời gian này, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến ba nội dung chính là: xác nhận đối tượng là thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng; cất bốc, quy tập mộ liệt sĩ và xây dựng nghĩa trang liệt sĩ và thực hiện chính sách, chế độ đãi ngộ, chăm sóc đời sống của thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng. Đây là những vấn đề quan trọng và cấp bách trong việc thực hiện chính sách đối với thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng ở Việt Nam sau khi đất nước thống nhất.

Quá trình 10 năm thực hiện (1975 - 1985), trên cả nước đã xác nhận được hầu hết các đối tượng là thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng đủ tiêu chuẩn, đặc biệt là cả với trường hợp mất tin; đồng thời hàng chục nghìn mộ liệt sĩ đã được quy tập vào hàng trăm nghĩa trang liệt sĩ được xây dựng trên cả hai miền đất nước. Cùng với đó, việc thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi, chăm sóc đời sống của thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng được thực hiện tốt, đời sống vật chất và tinh thần của họ ngày càng được cải thiện. Nhìn chung, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng từ năm 1975 đến năm 1985 luôn gắn liền với thực tiễn tình hình cách mạng và đã bao phủ khắp các đối tượng thụ hưởng, làm cho thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng với bớt dần nỗi đau do chiến tranh để lại.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn quá trình thực hiện chính sách của Nhà nước đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công vẫn còn những hạn chế cần phải khắc phục.

Việc xác nhận thương binh, liệt sĩ chưa đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng của quần chúng, nhiều trường hợp làm còn chậm, nhất là việc xác nhận liệt sĩ. Việc giám định thương tật và xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh nhìn chung còn chậm so với việc xác nhận liệt sĩ, nhiều trường hợp xếp hạng thương tật chưa được chính xác, ở một số nơi còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan thương binh và xã hội và cơ quan y tế trong giám định y khoa.

Việc cất bốc, quy tập mộ liệt sĩ và xây dựng nghĩa trang liệt sĩ còn gặp nhiều khó khăn. Một số nơi, nhất là những tỉnh vùng biên giới và vùng rừng núi, do điều kiện giao thông, địa hình khó khăn nên không thể tìm

kiểm và cất bốc, quy tụ được hết mộ liệt sĩ.

Việc chăm sóc và giải quyết chính sách, chế độ đãi ngộ cho thương binh, liệt sĩ và người có công đã có nhiều tiến bộ nhưng trong giai đoạn đầu làm còn chậm và chưa hiệu quả. Nhiều gia đình liệt sĩ chưa được hưởng đầy đủ chế độ (thiếu tiền tuất, tham ô tiền tuất, di vật của liệt sĩ, thiếu bằng Tổ quốc ghi công,...) theo đúng chính sách quy định, đặc biệt trong đó có những thân nhân có nhiều con là liệt sĩ chưa được chuyển sang hưởng định suất tiền tuất ưu đãi; nhiều gia đình của liệt sĩ là cán bộ thoát ly, chưa được hưởng tiền tuất kịp thời. Một số nơi, Bằng Tổ quốc ghi công chưa được tổ chức trao tặng đến gia đình liệt sĩ một cách trang trọng, nhanh chóng, có nơi còn để tồn đọng ở kho lưu trữ; có nơi ủy ban nhân dân xã nhờ người cầm bằng về trao tay cho gia đình liệt sĩ,...

CHÚ THÍCH

(1). Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, *Chính sách thương binh - liệt sĩ và người có công, tập III (thời kì 1964-1980, Quyển 2: 1972-1980*, Hà Nội, 7-1997, tr. 152.

(2). Nay là hai tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi.

(3). Nay là hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa.

(4). Nay là tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

(5). *Báo cáo của Bộ Thương binh và Xã hội về tình hình công tác tổ chức ngành thương binh xã hội miền Nam năm 1976*, Tài liệu lưu Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ 15735.

(6). Nay là hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước.

(7). Nay là thành phố Bến Cát.

(6), (9). *Công văn, Chỉ thị, Quyết định của Phủ thủ tướng, Bộ Thương binh và Xã hội về việc chỉ đạo thực hiện chế độ chính sách thương binh, liệt sĩ năm 1978*, Tài liệu lưu Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Quốc hội, Hồ sơ 3482.

(10), (12), (52), (53), (54), (55), (56). *Báo cáo của Bộ Thương binh và Xã hội về tình hình công tác tổ chức ngành thương binh xã hội miền Nam năm*

Mặc dù còn một số tồn tại, hạn chế do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, nhưng những kết quả đạt được trong thực hiện chính sách đối với thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng từ năm 1975 đến năm 1985 là thành công, có ý nghĩa to lớn, để lại nhiều kinh nghiệm quý cho quá trình thực hiện chính sách này trong giai đoạn hiện nay. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi đối với thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng vừa là tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm cao cả của cả hệ thống chính trị và toàn dân, vừa là yếu tố bảo đảm thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thể hiện sâu sắc tính ưu việt và bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước, tạo ra sự phát triển nhanh và bền vững cho đất nước.

1976, Tài liệu lưu Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ 15735.

(11). Nay là thành phố Tân An.

(13), (18), (34), (38), (39), (48), (49), (51). *Hồ sơ kỳ họp thứ 6 của Ủy ban Y tế và Xã hội của Quốc hội khóa VI từ ngày 22-27/6/1978 về tình hình và nhiệm vụ công tác thương binh, liệt sĩ hiện nay*, Tài liệu lưu Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Quốc hội, Hồ sơ 3461.

(14). Tức là chưa xác định rõ là đã hy sinh hay mất tích, nhưng đã được xác nhận thông tin, kiểm tra danh sách lưu trữ tại đơn vị quản lý và địa phương.

(15). Nay là hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương.

(16). Nay là ba tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.

(17). Nay là hai tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi.

(19), (20). Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, *Chính sách thương binh - liệt sĩ và người có công, tập I, Chủ trương của Đảng, Nhà nước*, Hà Nội, 7-1997, tr. 97-98, 98.

(21). Hội đồng Chính phủ, *Quyết định số 301/CP về "Bổ sung tiêu chuẩn để xác nhận liệt sĩ, thương binh và chính sách đối với thương binh,*

bệnh binh và gia đình liệt sĩ”, Nguồn: *Công báo*, số 16, ngày 30-9-1980.

(22). *Báo cáo thực hiện kế hoạch năm 1981 của Ngành Thương binh và Xã hội*, Tài liệu lưu Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ 16867.

(23). *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1985 và nhiệm vụ kế hoạch năm 1986 của Bộ Thương binh và Xã hội*, Tài liệu lưu Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ 17922.

(24). Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, *Chính sách thương binh - liệt sĩ và người có công, tập III, Quyển 2: 1972-1980*, Hà Nội, 7-1997, tr.154-156.

(25). Bộ Thương Binh và Xã hội, *Thông tư số 10-TBXH về việc hướng dẫn thi hành quyết định của Hội đồng Chính phủ số 60-CP ngày 5-4-1976 về việc xây dựng nghĩa trang và bia ghi công liệt sĩ*. Nguồn: *Công báo*, số 1, ngày 31-7-1976.

(26). Diễn hình như Gia Lai - Kon Tum đã huy động toàn thể cán bộ nhân viên trong Sở Lao động Thương binh và Xã hội, từ Giám đốc trở xuống, thay phiên nhau tham gia chỉ đạo và thực hiện. Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng điều động 1 đại đội thường trực thực hiện nhiệm vụ.

(27), (32) *Báo cáo năm 1982 của Bộ Thương binh và Xã hội*, Tài liệu lưu Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Hồ sơ 152.

(28). Nay là hai tỉnh Bạc Liêu và Cà Mau.

(29). Nay là hai tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long.

(30). Nay là hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum.

(31). Nay là ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

(33), (35), (59). *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1985 và nhiệm vụ kế hoạch năm 1986 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội*, Tài liệu lưu Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ 17922.

(36). Điều này được thể hiện trong: Thông tư số 01/NV ngày 07-01-1975 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn trợ cấp vì cần người giúp đỡ trong sinh hoạt hàng ngày cho thương binh thương tật nặng chống Pháp; Thông tư số 05/TT-LB ngày 07-02-1975 của Liên Bộ Y tế - Nội vụ - Tài Chính về việc hướng dẫn thực hiện chế độ khám bệnh, chữa

bệnh, đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh và cán bộ công nhân, viên chức, quân nhân về hưu hoặc nghỉ việc vì mất sức lao động; Thông tư số 02/TBXH ngày 15-01-1976 của Bộ Thương binh và Xã hội về việc quy định cấp máy nghe cho thương binh; Hướng dẫn số 42/PH ngày 19-6-1984 của Bộ Thương binh và Xã hội về chỉ định y học trong sử dụng xe lăn, xe lắc; Thông tư số 32/TBXH ngày 20-6-1984 của Bộ Thương binh và Xã hội về việc quy định một số chế độ, tiêu chuẩn, trang bị, cấp phát cho thương binh, bệnh binh;...

(37). Nay là hai huyện Nam Trực và Trực Ninh.

(40). Theo Thông tư số 16-TT/LB ngày 24-7-1976 của liên Bộ Giáo dục - Bộ Thương binh và Xã hội về việc tăng cường chăm sóc và giáo dục con liệt sĩ trong tình hình mới; Thông tư số 02/TT-LB ngày 6-4-1979 của liên Bộ Giáo dục - Thương binh và Xã hội về Bổ sung một số điểm về công tác chăm sóc, giáo dục con liệt sĩ; Chỉ thị số 13/TBXH ngày 22-5-1980 của Bộ Thương binh và Xã hội về việc tăng cường chăm sóc, giáo dục con liệt sĩ; Thông tư số 06/LB ngày 16-6-1982 của liên Bộ Giáo dục - Thương binh và Xã hội về nâng cao chất lượng học tập và tổ chức hướng nghiệp cho con liệt sĩ trong tình hình hiện nay;...

(41). Nay là hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh.

(42). Nay là hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

(43). Nay là hai tỉnh Phú Thọ và Vĩnh Phúc.

(44). Nay là hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang.

(45). Nay là hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn.

(46). Nay là hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên.

(47). Ngày 12-8-1991, kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa VIII ra Nghị quyết chia tỉnh Hà Sơn Bình để tái lập tỉnh Hà Tây và tỉnh Hòa Bình, từ năm 2008, toàn bộ tỉnh Hà Tây sáp nhập về Hà Nội.

(50). Có 14% số thương binh, gia đình liệt sĩ có mức sống khá 69% có mức sống trung bình, 17% có mức sống thấp, trong đó có khoảng 7% số thương binh, gia đình liệt sĩ có nhiều khó khăn.

(57). Nay là hai huyện Long Điền và Đất Đỏ.

(58). *Báo cáo của Bộ Thương binh và Xã hội năm 1976*, Tài liệu lưu Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ 15851.